
Số:13/2018/QĐST- HNGĐ

G, ngày 12 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 128/2017/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1990; trú tại: thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994; trú tại: xóm 1, thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1990; trú tại: thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994; trú tại: xóm 1, thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các vấn đề khác cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Các đương sự cùng xác định không có con chung nên vấn đề này không đặt ra xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên vấn đề này Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Lê Đức T nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tính đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số biên AA/2010/04133, ngày 21/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gn. Anh T được trả lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THA dân sự huyện G;
- UBND xã H, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc